

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH01185**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160214	Trần Duy	Bảo	04/05/2009				6.5	6.0				9.0		7.9
2	2456201160215	Lê Hoàng	Bình	15/10/2009				8.5	8.4				9.5		9.1
3	2456201160216	La Thị Ngọc	Diệp	17/12/2009				9	8.0				8.8		8.6
4	2456201160217	Bùi Thanh	Duy	06/08/2006				9.5	8.4				9.5		9.2
5	2456201160218	Tô Hùng	Duy	21/04/2008				7.5	5.6				10.0		8.5
6	2456201160219	Trương Thanh	Duy	19/09/1999				10	10.0				10.0		10.0
7	2456201160220	Nguyễn Thái Tiến	Đạt	05/05/2008				9.5	7.6				8.0		8.1
8	2456201160221	Võ Trần Duy	Đô	23/12/2006				10	8.4				9.5		9.3
9	2456201160222	Hoa Quốc	Hào	19/12/2009				8.5	8.0				9.5		9.0
10	2456201160223	Hồ Đăng	Hùng	31/07/2009				8.5	4.0				8.8		7.5
11	2456201160224	Đồng Hiểu	Khang	03/11/2009				7.5	5.6				0.0	0.0	2.5
12	2456201160226	Nguyễn Chí	Khiết	12/07/2006				9.5	8.8				10.0		9.6
13	2456201160227	Lâm Tuấn	Kiệt	09/02/2006				9.5	8.8				10.0		9.6
14	2456201160228	Trương Ngọc	Lễ	09/11/2009				8	7.2				9.3		8.6
15	2456201160229	Trần Phước	Lĩnh	20/12/2009				7	4.8				9.8		8.1
16	2456201160230	Ngô Phước	Lộc	11/01/2005				9	7.6				9.8		9.1
17	2456201160231	Nguyễn Quang	Minh	25/10/2009				9	8.8				7.0		7.7
18	2456201160232	Lâm Thị Mỹ	Ngân	07/12/2007				7.5	6.8				0.0	7.5	7.3
19	2456201160233	Nguyễn Phạm Kim	Nguyên	08/01/2009				8	8.0				8.8		8.5
20	2456201160234	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	29/06/2009				9.5	8.4				9.5		9.2
21	2456201160235	Lê Thị Huyền	Nhi	03/10/2004				10	9.6				10.0		9.9
22	2456201160236	Nguyễn Trọng	Phúc	28/08/2009				0	0.0				CT		0.0
23	2456201160237	Phan Huỳnh Hữu	Phúc	01/12/2009				9	8.0				8.0		8.1
24	2456201160238	Đoàn Minh	Phước	26/09/2009				8.5	4.4				5.0		5.3
25	2456201160240	Lê Thị Thu	Quỳnh	27/01/2009				7	8.0				9.0		8.5
26	2456201160241	Đỗ Thanh	Sang	03/12/2008				8	6.4				0.0	0.0	2.8
27	2456201160242	Phạm Quang	Sử	04/07/2009				9.5	6.4				9.8		8.9
28	2456201160243	Đặng Thành	Tánh	30/12/2006				10	9.6				9.8		9.8
29	2456201160244	Trần Thiện	Tâm	25/01/2008				7	5.6				8.3		7.4
30	2456201160245	Đặng Chí	Thảo	29/04/2009				9	9.2				9.3		9.2
31	2456201160246	Nguyễn Trung	Thắng	31/07/2008				9	8.0				7.5		7.8
32	2456201160247	Nguyễn Chí	Thiện	26/08/2006				10	9.2				10.0		9.8
33	2456201160248	Nguyễn Phú	Thuận	12/05/2009				8	8.8				9.3		9.0
34	2456201160249	Nguyễn Minh	Thương	28/10/2009				10	9.2				9.5		9.5
35	2456201160250	Phạm Thị Cẩm	Tiên	27/02/2009				0	0.0				CT		0.0
36	2456201160251	Nguyễn Công	Vinh	07/01/2009				8.5	8.0				8.5		8.4

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 28 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Lan Nhi